



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

CÔNG TY CỔ PHẦN THUY ĐIỆN VINH SƠN - SÔNG HINH

NỘI DUNG

Thông tin về doanh nghiệp

Báo cáo của Ban Giám đốc

Báo cáo kiểm toán độc lập

Bảng cân đối kế toán riêng (Mẫu số B 01 - DN)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng (Mẫu số B 02 - DN)

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng (Mẫu số B 03 - DN)

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng (Mẫu số B 09 - DN)

9

8

7

5

3

2

1

TRANG

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN VĨNH SƠN – SÔNG HINH

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

**Giấy Chứng nhận Đăng ký
Doanh nghiệp**

Số 3503000058 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Định
cấp lần đầu ngày 5 năm 2005 và Giấy Chứng nhận
Đăng ký Doanh nghiệp thay đổi lần thứ 5 ngày 25 tháng 4
năm 2015

Hội đồng Quản trị

Ông Võ Thành Trung
Ông Nguyễn Văn Thanh
Ông Trần Mạnh Hữu
Ông Phan Hồng Quân
Ông Nguyễn Xuân Quang
Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Việt Hà
Ông Hoàng Xuân Tùng
Ông Trương Minh Tuấn
Bà Vũ Phương Thảo
Trưởng ban
Thành viên
Thành viên
Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Thanh
Ông Hoàng Anh Tuấn
Ông Dương Tấn Tường
Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc

**Người đại diện theo
pháp luật**

Ông Nguyễn Văn Thanh
Tổng Giám đốc

Trụ sở chính

21 Đường Nguyễn Huệ, Thành phố Quy Nhơn,
Tỉnh Bình Định, Việt Nam

Kiểm toán viên

Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers Việt Nam

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC VỚI BẢO CẢO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Giám đốc của Công ty Cổ phần Thủy điện Vinh Sơn – Sông Hình ("Công ty") chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa cách trình bày kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở đơn vị hoạt động liên tục trừ khi giả định đơn vị hoạt động liên tục là không phù hợp.

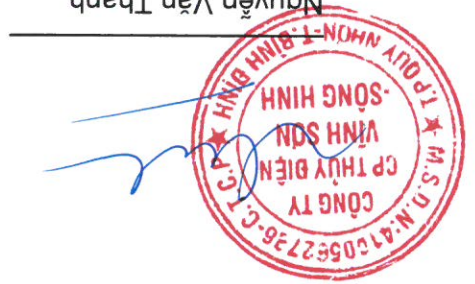
Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng số sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh 2 của báo cáo tài chính riêng. Ban Giám đốc của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ tài sản của Công ty và thực hiện biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện gian lận và sai sót khác.

PHÊ CHUẨN BẢO CẢO TÀI CHÍNH RIÊNG

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn báo cáo tài chính riêng đính kèm từ trang 5 đến trang 39. Báo cáo tài chính riêng này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng này của Công ty nên đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con (gọi chung là "Nhóm Công ty") cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Nhóm Công ty.

Thay mặt Ban Giám đốc



Nguyễn Văn Thanh
Tổng Giám đốc

Bình Định, nước CHXHCN Việt Nam
Ngày 24 tháng 3 năm 2017

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Vinh Sơn – Sông Hinh (“Công ty”) được lập ngày 31 tháng 12 năm 2016 và được Ban Giám đốc phê duyệt ngày 24 tháng 3 năm 2017. Báo cáo tài chính riêng này bao gồm: bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính riêng bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 39.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với báo cáo tài chính riêng

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Y kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi cần lưu ý người đọc đến Thuyết minh 31 trong Thuyết minh báo cáo tài chính riêng mô tả sự không chắc chắn liên quan đến kết quả của vụ kiện giữa Công ty và Tổ hợp nhà thầu Trung Quốc gồm (i) Tổng Công ty Công trình Hydrachina Huadong và (ii) Công ty TNHH Cục Đường sắt số 18 Trung Quốc. Y kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 được kiểm toán bởi một đơn vị kiểm toán khác mà báo cáo kiểm toán của họ phát hành ngày 25 tháng 3 năm 2016 đưa ra ý kiến chấp nhận phần.

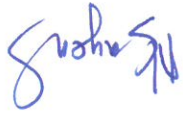
Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers Việt Nam



Mai Việt Hùng Trần
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
0048-2016-006-1
Chữ ký được ủy quyền

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HCM5702
TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 3 năm 2017

Nguyễn Thị Cẩm Nhung
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
2636-2013-006-1



Như đã nêu trong thuyết minh 2.1 của báo cáo tài chính riêng, báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán đã được thừa nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam, và hơn nữa, cũng không dành cho những người sử dụng nào không biết các nguyên tắc, các thủ tục và các thông lệ kế toán Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN VINH SƠN – SÔNG HINH

Mẫu số B 01 – DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31.12.2016	31.12.2015
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		2.154.211.938.298	1.992.715.392.752
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	3	320.426.167.528	1.153.210.545.818
111	Tiền		3.606.167.528	5.968.772.207
112	Các khoản tương đương tiền		316.820.000.000	1.147.241.773.611
120	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4(a)	663.530.000.000	33.500.000.000
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn			
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		752.743.135.564	416.779.021.750
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	130.728.146.998	113.154.195.908
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	602.811.353.298	289.487.588.263
136	Phải thu ngắn hạn khác	7	19.203.635.268	14.137.237.579
140	Hàng tồn kho	8	373.701.455.633	367.935.550.653
141	Hàng tồn kho			
150	Tài sản ngắn hạn khác		43.811.179.573	21.290.274.531
151	Chi phí trả trước ngắn hạn		-	24.866.666
152	Thuế GTGT được khấu trừ	9	43.811.179.573	21.265.407.865
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		3.960.471.863.191	3.061.998.321.701
220	Tài sản cố định	10	762.190.568.976	812.042.832.697
221	Tài sản cố định hữu hình		762.190.568.976	812.042.832.697
222	Nguyên giá		3.044.882.371.839	3.013.577.229.361
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(2.282.691.802.863)	(2.201.534.396.664)
240	Tài sản dở dang dài hạn	11	3.175.992.082.824	2.213.242.112.053
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang			
250	Đầu tư tài chính dài hạn	4(b)(i)	10.812.957.192	14.812.957.192
251	Đầu tư vào công ty con		1.000.000.000	5.000.000.000
252	Đầu tư vào công ty liên kết	4(b)(iii)	9.812.957.192	9.812.957.192
260	Tài sản dài hạn khác		11.476.254.199	21.900.419.759
261	Chi phí trả trước dài hạn	12	1.148.407.952	9.261.457.914
262	Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	17	1.991.422.377	1.991.422.377
263	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	13	8.336.423.870	10.647.539.468
270	TỔNG TÀI SẢN		6.114.683.801.489	5.054.713.714.453

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 39 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng này.

CÔNG TY CỔ PHẦN THUY ĐIỆN VINH SƠN – SÔNG HINH

Mẫu số B 01 – DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
(tiếp theo)

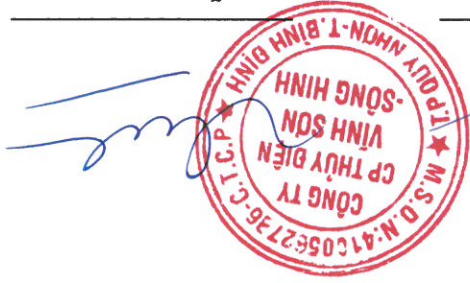
Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	VND	VND
			31.12.2015	31.12.2016
300	NỢ PHẢI TRẢ		2.259.897.665.223	3.276.732.033.765
310	Nợ ngắn hạn		485.352.253.029	487.781.107.350
311	Phải trả người bán ngắn hạn	14	200.197.908.374	200.206.561.679
313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	15.391.582.306	23.628.526.625
314	Phải trả người lao động		3.587.481.596	4.766.618.568
315	Chi phí phải trả ngắn hạn		352.995.566	648.668.944
319	Các khoản phải trả ngắn hạn khác		2.419.338.798	2.589.881.298
320	Vay ngắn hạn	16(a)	250.800.909.611	246.257.501.166
322	Quý khen thưởng, phúc lợi		12.602.036.778	9.683.349.070
330	Nợ dài hạn		1.774.545.412.194	2.788.950.926.415
338	Vay dài hạn	16(b)	1.774.545.412.194	2.788.950.926.415
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		2.794.816.049.230	2.837.951.767.724
410	Vốn chủ sở hữu		2.794.603.616.138	2.837.951.767.724
411	Vốn góp của chủ sở hữu	18, 19	2.062.412.460.000	2.062.412.460.000
412	Thặng dư vốn cổ phần		6.332.468.038	6.332.468.038
418	Quý đầu tư phát triển		294.414.000.000	294.414.000.000
420	Quý khác thuộc vốn chủ sở hữu		27.661.280.000	27.661.280.000
421	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		403.783.408.100	447.131.559.686
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy		151.113.396.960	187.450.602.100
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		252.670.011.140	259.680.957.586
430	Nguồn kinh phí và quỹ khác		212.433.092	-
432	Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định		212.433.092	-
440	TỔNG NGUỒN VỐN		5.054.713.714.453	6.114.683.801.489

Phan Thị Thanh Thủy
Người lập

Huyện Công Hà
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Thành
Tông Giám đốc

Ngày 24 tháng 3 năm 2017



Handwritten signatures in blue ink, including the signature of the accounting officer and the company director.

Handwritten signature in blue ink of Phan Thị Thanh Thủy.

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 39 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng này.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN VINH SƠN - SÔNG HINH

Mẫu số B 02 – DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Năm tài chính kết thúc ngày

Mã số	Thuyết minh	31.12.2016	31.12.2015
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	447.638.315.189	466.453.172.650
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	447.638.315.189	466.453.172.650
11	Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	(181.089.331.371)	(164.250.245.286)
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	266.548.983.818	302.202.927.364
21	Doanh thu hoạt động tài chính	54.399.778.626	30.059.846.989
22	Chi phí tài chính	(19.678.911.270)	(21.121.842.777)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	(5.197.289.216)	(8.784.863.001)
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(19.894.857.418)	(19.405.650.106)
30	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	281.374.993.756	291.735.281.470
31	Thu nhập khác	1.099.090.912	112.454.544
32	Chi phí khác	(99.054.337)	(7.860.579.313)
40	Lợi nhuận/(lỗ) thuần khác	1.000.036.575	(7.748.124.769)
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	282.375.030.331	283.987.156.701
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành	(22.694.072.745)	(31.317.145.561)
52	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	259.680.957.586	252.670.011.140

Phan Thị Thanh Thủy
Người lập

Huyền Công Hà
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Thanh
Tổng Giám đốc
Ngày 24 tháng 3 năm 2017



CÔNG TY CỔ PHẦN THUY ĐIỆN VINH SƠN - SÔNG HINH

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc ngày

Thuyết minh
31.12.2016 VND
31.12.2015 VND

Mã số	Thuyết minh	31.12.2016 VND	31.12.2015 VND
01	LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	282.375.030.331	283.987.156.701
	Lợi nhuận trước thuế		
02	Điều chỉnh cho các khoản:		
	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ")	81.157.406.199	78.314.909.780
04	Lô chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	14.468.887.036	15.305.190.483
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	24	24
06	Chi phí lãi vay	5.197.289.216	8.784.863.001
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	328.591.471.190	356.332.272.976
09	(Tăng)/giảm các khoản phải thu	(39.963.435.118)	358.962.154.770
10	Tăng hàng tồn kho	(3.454.789.382)	(345.755.327.100)
11	Giảm các khoản phải trả	(6.513.218.402)	(49.310.967.403)
12	Giảm/(tăng) chi phí trả trước	207.278.850	(1.255.448.559)
14	Tiền lãi vay đã trả	(4.901.615.838)	(8.889.004.355)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(19.597.259.455)	(40.880.372.935)
16	Thu khác từ hoạt động kinh doanh	-	37.389.091
17	Chi khác từ hoạt động kinh doanh	(212.433.092)	(9.522.746.733)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	254.155.998.753	259.717.949.752
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	(1.306.285.997.115)	(559.905.091.201)
23	Chi tiền gửi có kỳ hạn	(630.030.000.000)	(1.500.000.000)
26	Thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	4.000.000.000	-
27	Thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	48.291.575.054	22.909.943.269
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(1.884.024.422.061)	(538.495.147.932)
33	Thu từ vay ngắn hạn, dài hạn	1.405.624.166.486	2.389.304.912.295
34	Chi trả nợ gốc vay	(402.300.309.968)	(774.147.620.247)
36	Chi trả cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(206.239.811.500)	(412.482.492.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	797.084.045.018	1.202.674.800.048
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	(832.784.378.290)	923.897.601.868
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	1.153.210.545.818	229.312.943.950
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	320.426.167.528	1.153.210.545.818

Phan Thi Thanh Thủy
Người lập
Huỳnh Công Hà
Kế toán trưởng
Nguyễn Văn Thanh
Tổng Giám đốc
Ngày 24 tháng 3 năm 2017



**THUYẾT MINH BẢO CAO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thủy điện Vinh Sơn – Sông Hinh (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Chương nhân Đảng kỳ kinh doanh số 3503000058 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp ngày 04 tháng 5 năm 2005 và các Chương nhân Đảng kỳ kinh doanh thay đổi, bổ sung. Trước đây, Công ty là Nhà máy Thủy điện Vinh Sơn – Sông Hinh, đơn vị hạch toán phụ thuộc của Tổng Công ty Điện lực Việt Nam, (nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam). Công ty được chuyển đổi thành hình thức công ty cổ phần theo Quyết định số 151/2004/QĐ-BCN ngày 02 tháng 12 năm 2004 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương).

Công ty có hai nhà máy thủy điện đang hoạt động là nhà máy thủy điện Vinh Sơn đặt tại tỉnh Bình Định và nhà máy thủy điện Sông Hinh đặt tại tỉnh Phú Yên. Ngoài ra, Công ty còn có dự án đang trong giai đoạn xây dựng cơ bản là nhà máy thủy điện Thượng Kon Tum tọa đặt tại tỉnh Kon Tum.

Ngày 28 tháng 6 năm 2006, Công ty chính thức được niêm yết giao dịch chứng khoán trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 54/UBCK-GDNY của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất điện năng; dịch vụ quản lý vận hành, bảo dưỡng các nhà máy thủy điện; tư vấn quản lý dự án và giám sát thi công các dự án nhà máy thủy điện; tư vấn thiết kế công trình thủy lợi, giao thông và thủy điện; tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình thủy lợi và giao thông; thi nghiệm điện; kinh doanh vật tư, thiết bị trong lĩnh vực thủy điện; và đầu tư xây dựng các dự án điện.

Công ty có một công ty con và một công ty liên kết với chi tiết như sau:

Công ty con		Công ty liên kết	
Địa điểm	Tỷ lệ nắm giữ	Địa điểm	Tỷ lệ nắm giữ
Công ty TNHH MTV Tư vấn và Dịch vụ Kỹ thuật TP. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định	100%	Công ty Cổ phần Du Lịch Bình Định TP. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định	49,72%
VSH		Du lịch khách sạn, lữ hành	

Chú kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là trong vòng 12 tháng.
Tài ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có 174 nhân viên (tài ngày 31 tháng 12 năm 2015: 172 nhân viên).

2 CÁC CHỈNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

2.1 Cơ sở của việc soạn lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Báo cáo tài chính riêng được lập theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng của Công ty nên đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Nhóm Công ty.

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12.

2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và được trình bày trên báo cáo tài chính riêng là đồng Việt Nam ("VND").

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

2.4 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

2 CÁC CHỈNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.5 Khoản phải thu khách hàng

Các khoản phải thu khách hàng được thể hiện theo giá trị ghi trên hóa đơn gốc trừ dự phòng các khoản phải thu khó đòi được ước tính dựa trên việc rà soát của Ban Giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm cuối năm. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

2.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí mua, các chi phí khác có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ. Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng.

2.7 Đầu tư

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập trên cơ sở có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được.

(b) Đầu tư vào công ty con

Công ty con là doanh nghiệp mà Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Công ty có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không.

Đầu tư vào công ty con được hạch toán theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi có sự giảm giá trị của các khoản đầu tư.

2 CÁC CHỈNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.7 Đầu tư (tiếp theo)

(c) Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là tất cả công ty trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở công ty đó.

Đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi có sự giảm giá trị của các khoản đầu tư.

(d)

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi công ty nhận đầu tư bị lỗ, ngoài trừ khoản lỗ mà Ban Giám đốc Công ty đã dự đoán từ khi đầu tư.

2.8

Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được phân ảnh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được tài sản cố định.

Khấu hao

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản qua suốt thời gian hữu dụng ước tính. Các tỷ lệ khấu hao chủ yếu hàng năm như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc, thiết bị	5 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	6 - 15 năm
Phương tiện vận tải	3 - 10 năm

Thanh lý

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý như trong bản tài sản cố định được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kỳ mục đích ghi nhận nào khác, được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí tập hợp bao gồm chi phí cho các chuyên gia và đối với tài sản đầu tư điều kiện, chi phí vay được ghi nhận phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại tài sản cố định khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

2 CÁC CHỈNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

2.10 Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày bảng cân đối kế toán.

2.11 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Chi phí đi vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

2.12 Chi phí phải trả

Bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kê toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

2.13 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi: Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; sự giảm sút những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phân ảnh hưởng dần giá trị trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

2 CÁC CHỈNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

- 2.14** **Vốn chủ sở hữu**
- Vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông. Vốn góp của chủ sở hữu được phân ảnh theo mệnh giá của cổ phiếu.
- Thành dư vốn cổ phần: là khoản chênh lệch giữa vốn góp theo mệnh giá cổ phiếu với giá thực tế phát hành cổ phiếu; chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quy và giá tái phát hành cổ phiếu quy.
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối: phần ảnh kết quả kinh doanh lũy kế sau thuế thu nhập của Công ty tại thời điểm báo cáo.
- 2.15** **Phân chia lợi nhuận**
- (a)** **Chia cổ tức**
- Cổ tức của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính của kỳ mà cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông.
- (b)** **Quy đầu tư phát triển**
- Quy đầu tư phát triển kinh doanh được trích lập từ lợi nhuận thuần của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông.
- (c)** **Quy khen thưởng, phúc lợi**
- Quy khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận thuần của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông.

2.16 **Ghi nhận doanh thu**

- (a)** **Doanh thu bán hàng**
- Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn những rủi ro và lợi ích về quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng.
- (b)** **Doanh thu dịch vụ**
- Doanh thu bán điện được ghi nhận hàng tháng ngay sau khi sản lượng điện sản xuất phát lên lưới điện quốc gia có xác nhận hàng tháng của Công ty Mua bán điện thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam.
- (c)** **Thu nhập lãi**
- Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp.

Thu nhập lãi được ghi nhận khi được hưởng.

2 CÁC CHỈNH SÁCH KẾ TOÀN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.16 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

(d) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi Công ty xác lập quyền nhận cổ tức từ các đơn vị đầu tư:

2.17 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh để tạo ra sản lượng điện sản xuất và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

2.18 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong năm chủ yếu bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

2.19 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của Công ty chủ yếu bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); và chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...)

2.20 Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm toàn bộ số thuế thu nhập trên thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp, kể cả các khoản thu nhập được từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ tại nước ngoài mà Việt Nam chưa ký hiệp định về tranh danh thuế hai lần. Chi phí thuế thu nhập bao gồm chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ phát sinh, ngoài trừ trường hợp thu nhập nộp phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.20 Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này. Thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sắp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

2.21 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Giám đốc Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Công ty căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.22 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh Nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác có liên quan yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản thêm tăng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31.12.2016	31.12.2015
Tiền mặt	301.495.682	431.775.350
Tiền gửi ngân hàng	3.304.671.846	5.536.996.857
Các khoản tương đương tiền (*)	316.820.000.000	1.147.241.773.611
	<u>320.426.167.528</u>	<u>1.153.210.545.818</u>

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi bằng đồng Việt Nam có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng tại các ngân hàng thương mại. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, các khoản tương đương tiền trị giá 77,2 tỷ đồng dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay ngân hàng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Gia Lai (Thuyết minh 16(a)).

4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TẠI CHÍNH

(a) Đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn

	31.12.2016	31.12.2015
Gia trị gốc VND	663.530.000.000	33.500.000.000
Ghi sổ VND	663.530.000.000	33.500.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn từ dưới 12 tháng(*)	663.530.000.000	33.500.000.000

(*) Tiền gửi có kỳ hạn thể hiện các khoản tiền gửi bằng đồng Việt Nam có kỳ hạn từ 6 tháng đến 12 tháng hưởng lãi suất từ 5,3%/năm đến 6,5%/năm tại các ngân hàng thương mại. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, các khoản tiền gửi có kỳ hạn trị giá 284,5 tỷ đồng dùng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay tại ngân hàng Ngân hàng Thương mại Cổ phần Dầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Định (Thuyết minh 16).

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN VĨNH SƠN – SÔNG HINH

Mẫu số B 09 – DN

4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(b) Đầu tư tài chính dài hạn

(i) Đầu tư vào công ty con

	31.12.2016		31.12.2015			
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị thuần (*) VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị thuần (*) VND
Công ty TNHH Một Thành viên Tư vấn và Dịch vụ Kỹ thuật VSH	1.000.000.000	-	1.000.000.000	5.000.000.000	-	5.000.000.000
(ii) Đầu tư vào công ty liên kết						

	31.12.2016			31.12.2015		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị thuần (*) VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị thuần (*) VND
Công ty Cổ phần Du Lịch Bình Định	9.812.957.192	-	9.812.957.192	9.812.957.192	-	9.812.957.192

(*) Giá trị thuần của khoản đầu tư được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng theo ước tính của Ban Giám đốc. Tại ngày lập báo cáo tài chính, Công ty không có thông tin về giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này.

5 PHẢI THU NGÂN HÀNG CỦA KHÁCH HÀNG

	31.12.2016	31.12.2015
Công ty Mua bán điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam (Thuyết minh 29(b))	130.728.146.998	113.154.195.908
Tài ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty không có khoản phải thu nào quá hạn.		
	VND	VND
	31.12.2016	31.12.2015

6 TRẢ TRƯỚC NGƯỜI BÁN NGÂN HÀNG

	31.12.2016	31.12.2015
Bên thứ ba		
Công ty Cổ phần Xây dựng 47	346.367.266.787	79.670.867.369
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	82.878.021.434	90.000.000.000
Andritz Hydro GmbH	51.708.334.154	8.097.379.696
Công ty Cổ phần Xây lắp Điện Đức Bảo	47.998.949.833	28.179.281.648
Kon Tum	11.999.459.162	20.053.101.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1	61.859.321.928	63.486.958.550
Khác	602.811.353.298	289.487.588.263
	VND	VND
	31.12.2016	31.12.2015

7 PHẢI THU NGÂN HÀNG KHÁC

	31.12.2016	31.12.2015
Phải thu người lao động	1.753.493.018	1.320.660.617
Lãi tiền gửi	14.167.244.279	8.064.570.386
Phải thu khác	3.282.897.971	4.752.006.576
	19.203.635.268	14.137.237.579
	VND	VND
	31.12.2016	31.12.2015

Tài ngày 31 tháng 12 năm 2016 và 31 tháng 12 năm 2015, không có khoản phải thu khác nào quá hạn hoặc còn trong hạn nhưng khó thu hồi.

8 HẠNG TỒN KHO

	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên vật liệu	373.407.743.444	-	367.641.838.464	-
tồn kho (*)				
Chi phí sản xuất	293.712.189	-	293.712.189	-
kinh doanh				
dở dang	373.701.455.633	-	367.935.550.653	-
	31.12.2016		31.12.2015	

(*) Nguyên vật liệu tồn kho chủ yếu bao gồm 336.381.659.046 VND là giá trị thiết bị mua trong năm liên quan tới hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản của Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum.

9 THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG ĐƯỢC KHẤU TRỪ

Thuế giá trị gia tăng (Thuật minh 15(b))	43.811.179.573	21.265.407.865
	31.12.2016	31.12.2015
	VND	VND

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN VINH SON – SÔNG HÌNH

Mẫu số B 09 – DN

10 TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	2.055.104.871.533	922.254.817.485	27.444.363.012	8.773.177.331	3.013.577.229.361
Mua trong năm	3.720.268.460	18.858.020.000	3.267.991.898	207.748.182	26.054.028.540
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 11)	4.158.232.769	-	-	-	4.158.232.769
Tăng tài sản khác	-	-	1.092.881.169	-	1.092.881.169
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	2.062.983.372.762	941.112.837.485	31.805.236.079	8.980.925.513	3.044.882.371.839
Khấu hao lũy kế					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	1.320.554.945.898	853.644.037.225	24.492.631.087	2.842.782.454	2.201.534.396.664
Khấu hao trong năm	68.398.422.543	11.104.434.994	1.198.580.921	455.967.741	81.157.406.199
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	1.388.953.368.441	864.748.472.219	25.691.212.008	3.298.750.195	2.282.691.802.863
Giá trị còn lại					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	734.549.925.635	68.610.780.260	2.951.731.925	5.930.394.877	812.042.832.697
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	674.030.004.321	76.364.365.266	6.114.024.071	5.682.175.318	762.190.568.976

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, tài sản cố định (“TSCĐ”) hữu hình của Công ty với giá trị còn lại là 478.383.990.554 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 558.018.485.151 đồng) đã dùng làm tài sản thế chấp tại ngân hàng cho các khoản vay (Thuyết minh 16).

Nguyên giá của tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 874.411.951.829 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 867.628.938.403 đồng).

11 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31.12.2016	31.12.2015
Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum (i)	3.075.051.257.919	2.117.250.261.100
Dự án Thủy điện Vinh Sơn 2 và 3 (ii)	92.080.799.953	92.292.805.242
Khác	8.860.024.952	3.699.045.711
	<u>3.175.992.082.824</u>	<u>2.213.242.112.053</u>

(i) Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum là công trình trên cùng hệ thống bậc thang thủy điện sông Sê San. Công trình có hồ chứa, tuyến đầu mối nằm trên sông nhánh Đăk Nghé lưu vực sông Sê San, thuộc 2 xã Đăk Kooi, huyện Kon Rẫy và xã Đăk Tang, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum; nhà máy nằm trên sông Đăk Lô tại xã Đăk Tang và Ngoc Tem, huyện Kon Plông thuộc lưu vực sông Trà Khúc, tỉnh Quảng Ngãi. Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum đã được phê duyệt cho phép đầu tư theo Công văn số 1774/TTg-CN ngày 11 tháng 11 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ, trước đây do Tập đoàn Điện lực Việt Nam làm chủ đầu tư và đã chuyển giao lại cho Công ty theo Văn bản số 32/EVN/HĐQT ngày 13 tháng 1 năm 2006 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

(ii) Dự án Thủy điện Vinh Sơn 2 và 3 được Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Định cấp Giấy chứng nhận Đầu tư ngày 7 tháng 11 năm 2007, là dự án chiến lược đầu tư phát triển của Công ty, thuộc Quy hoạch bậc thang thủy điện thượng Sông Côn thuộc tỉnh Bình Định và Gia Lai đã được Bộ Công Thương phê duyệt. Thủy điện Vinh Sơn 2 có 2 hồ chứa Hồ Suối Say và Hồ Đăk Kron Bun, với công suất lắp máy là 80 MW. Thủy điện Vinh Sơn 3 có công suất lắp máy là 30 MW.

Biên động chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm như sau:

	2016	2015
Số dư đầu năm	2.213.242.112.053	1.804.815.562.024
Mua sắm	746.501.964.222	269.717.318.336
Vốn hóa chi phí lãi vay, phí bảo lãnh, phí cam kết liên quan đến khoản vay	221.272.721.350	139.475.471.693
Chuyển sang TSCĐ (Thuyết minh 10)	(4.158.232.769)	(766.240.000)
Khác	(866.482.032)	-
Số dư cuối năm	<u>3.175.992.082.824</u>	<u>2.213.242.112.053</u>

12 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31.12.2016	31.12.2015
Chi phí khảo sát, tư vấn, xây dựng nhà máy Thủy điện Vinh Sơn	1.148.407.952	9.261.457.914

12 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN (tiếp theo)

Biên động chi phí trả trước trong năm như sau:

	31.12.2016	31.12.2015
Số dư đầu năm	9.261.457.914	-
Tăng trong năm	723.741.451	17.857.505.760
Phần bỏ trong năm	(8.836.791.413)	(8.596.047.846)
Số dư cuối năm	1.148.407.952	9.261.457.914

13 THIẾT BỊ, VẬT TƯ, PHỤ TÙNG THAY THẾ DÀI HẠN

Đây là giá trị thuần của công cụ, dụng cụ, vật tư và phụ tùng dùng để thay thế, phòng ngừa hư hỏng của tài sản nhưng không đủ tiêu chuẩn để phân loại là tài sản cố định và có thời gian dự trữ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường.

14 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẪN HẠN

	31.12.2016	31.12.2015
Bên thứ ba		
Tổ hợp nhà thầu Hydro China Huadong – CR 18G (Thuyết minh 31)	188.796.692.308	188.796.692.308
Khác	10.942.176.510	8.674.655.623
Bên liên quan (Thuyết minh 29(b))	467.692.861	2.726.560.443
Tổng cộng	200.206.561.679	200.197.908.374

15 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31.12.2016	31.12.2015
Thuế thu nhập doanh nghiệp – hiện hành	10.769.854.305	7.673.041.015
Thuế thu nhập cá nhân	1.088.166.203	730.555.695
Thuế tài nguyên	7.109.050.777	3.453.635.596
Phí dịch vụ môi trường rừng	4.661.455.340	3.534.350.000
Tổng cộng	23.628.526.625	15.391.582.306

CÔNG TY CỔ PHẦN THUY ĐIỆN VINH SON – SÔNG HINH

Mẫu số B 09 – DN

15 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC (tiếp theo)

Tình hình biến động trong năm của thuế và các khoản khác phải nộp ngân sách Nhà Nước như sau:

	Tại ngày 1.1.2016 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Cần trừ VND	Hoàn thuế VND	Tại ngày 31.12.2016 VND
a) Phải nộp						
Thuế thu nhập doanh nghiệp						
– hiện hành	7.673.041.015	22.694.072.745	(19.597.259.455)	-	-	10.769.854.305
Thuế thu nhập cá nhân	730.555.695	2.690.793.665	(2.333.183.157)	-	-	1.088.166.203
Thuế tài nguyên	3.453.635.596	49.723.404.834	(46.067.989.653)	-	-	7.109.050.777
Thuế nhà đất	-	4.276.166	(4.276.166)	-	-	-
Tiền thuế đất	-	274.215.842	(274.215.842)	-	-	-
Các loại thuế khác	-	14.421.154.108	(14.421.154.108)	-	-	-
Thuế nhà thầu	-	14.417.154.108	(14.417.154.108)	-	-	-
Thuế môn bài	-	4.000.000	(4.000.000)	-	-	-
Các khoản phải nộp khác	3.534.350.000	13.426.594.820	(12.299.489.480)	-	-	4.661.455.340
Phí dịch vụ môi trường rừng	3.534.350.000	13.426.594.820	(12.299.489.480)	-	-	4.661.455.340
Cộng	15.391.582.306	103.234.512.180	(94.997.567.861)	-	-	23.628.526.625
b) Phải thu						
Thuế giá trị gia tăng	(21.265.407.865)	44.873.740.606	(2.338.618.885)	(51.145.918.829)	(13.934.974.601)	(43.811.179.573)
Cộng	(21.265.407.865)	44.873.740.606	(2.338.618.885)	(51.145.918.829)	(13.934.974.601)	(43.811.179.573)

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN VĨNH SƠN – SÔNG HÌNH

Mẫu số B 09 – DN

16 CÁC KHOẢN VAY	1.1.2016		Phát sinh trong năm		31.12.2016
	VND	Tăng VND	Giảm VND	VND	
(a) Vay ngắn hạn					
Vay ngân hàng					
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Định (i)	177.913.653.255	216.937.155.136	(183.318.987.035)	211.531.821.356	
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Gia Lai (ii)	-	102.097.620.136	(74.798.131.200)	27.299.488.936	
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Kon Tum	-	106.850.000.000	(106.850.000.000)	-	
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Quy Nhơn	-	30.000.000.000	(30.000.000.000)	-	
	<u>177.913.653.255</u>	<u>455.884.775.272</u>	<u>(394.967.118.235)</u>	<u>238.831.310.292</u>	
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 16(b))					
Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Phú Yên	7.336.040.356	7.428.871.930	(7.338.721.412)	7.426.190.874	
Ngân hàng Raiffeisenlandesbank Oberosterreich Aktiengesellschaft	65.551.216.000	58.216.000	(65.609.432.000)	-	
	<u>72.887.256.356</u>	<u>7.487.087.930</u>	<u>(72.948.153.412)</u>	<u>7.426.190.874</u>	
	<u>250.800.909.611</u>	<u>463.371.863.202</u>	<u>(467.915.271.647)</u>	<u>246.257.501.166</u>	

16 CÁC KHOẢN VAY (tiếp theo)

(a) Vay ngắn hạn (tiếp theo)

- (i) Đây là khoản vay bằng đồng Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng số 02/2016/509244/HMTCT tháng 9 năm 2016 với hạn mức tín dụng là 215 tỷ đồng. Kỳ hạn của khoản vay là 6 tháng, lãi suất 6,8%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tiền gửi có kỳ hạn với tổng số tiền là 250 tỷ đồng (Thuyết minh 4(a)).
- (ii) Đây là khoản vay bằng đồng Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng số 169/16/NHNT ngày 30 tháng 6 năm 2016, với hạn mức tín dụng là 30 tỷ đồng. Kỳ hạn của khoản vay là 9 tháng, lãi suất 6,5%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tiền gửi có kỳ hạn với tổng số tiền là 77,2 tỷ đồng (Thuyết minh 3).

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN VĨNH SƠN – SÔNG HINH

Mẫu số B 09 – DN

16 CÁC KHOẢN VAY (tiếp theo)

(b) Vay dài hạn

	1.1.2016	Phát sinh trong năm		31.12.2016
	VND	Tăng VND	Giảm VND	VND
Vay ngân hàng				
Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Phú Yên (i)	133.882.746.996	1.761.286.581	(7.542.230.358)	128.101.803.219
Ngân hàng Raiffeisenlandesbank Osterreich Aktiengesellschaft (ii)	234.725.958.424	124.096.318.682	(2.162.715.439)	356.659.561.667
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Dầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Định (iii)	439.982.823.688	403.635.032.729	-	843.617.856.417
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Gia Lai (iii)	196.627.583.474	103.196.968.571	-	299.824.552.045
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Kon Tum (iii)	332.713.299.612	191.102.183.475	-	523.815.483.087
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu – Chi nhánh Bình Định (iii)	274.911.000.000	-	-	274.911.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh – Chi nhánh Hiệp Phú (iii)	161.702.000.000	200.318.669.980	-	362.020.669.980
	<u>1.774.545.412.194</u>	<u>1.024.110.460.018</u>	<u>(9.704.945.797)</u>	<u>2.788.950.926.415</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THUY ĐIỆN VINH SƠN – SÔNG HINH

Mẫu số B 09 – DN

16 CÁC KHOẢN VAY (tiếp theo)
(b) Vay dài hạn (tiếp theo)

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Dưới 1 năm (Thuyết minh 16(a))	Từ 1 - 5 năm	Trên 5 năm
VND	7.426.190.874	-	2.788.950.926.415
VND	72.887.256.356	-	1.774.545.412.194
31.12.2015	31.12.2016		
VND	2.796.377.117.289		1.847.432.668.550

(i) Khoản vay bằng ngoại tệ (USD) được bàn giao từ doanh nghiệp Nhà nước – Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh (“Nhà máy”) khi chuyển sang công ty cổ phần.

Ngày 22 tháng 11 năm 2005, Công ty đã ký Hợp đồng tín dụng vốn ODA số 01/TDNN với Quý Hồ trợ Phát triển Phú Yên, nay là Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Việt Nam tại Phú Yên, nhận nợ lãi các khoản vay từ Tập đoàn Điện Lực Việt Nam để đầu tư Dự án Nhà máy Thủy điện Sông Hinh như sau:

Vay Quý Phát triển Bắc Âu (NDF) số tiền là 8.378.301,48 USD, không tính lãi, chịu chi phí quản lý vốn vay 0,2%/năm và phí dịch vụ 0,75%/năm tính trên số dư nợ vay. Nợ gốc được trả trong 30 năm (từ năm 2005 đến năm 2035), mỗi năm hai lần vào ngày 31 tháng 3 và ngày 30 tháng 9. Từ năm 2005 đến năm 2014 mức trả nợ mỗi kỳ là 83.783,01 USD; và 167.566,02 USD/kỳ trong những năm còn lại. Thời điểm phải trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 1 tháng 12 năm 2005, kỳ trả cuối cùng vào ngày 31 tháng 3 năm 2035.

Công ty đã thế chấp các tài sản tại Nhà máy Thủy điện Sông Hinh với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 255.944.024.928 đồng để đảm bảo cho khoản tiền vay nói trên theo Hợp đồng thế chấp số 01/2006/HĐTCTS-TL ngày 12 tháng 4 năm 2006 (Thuyết minh 10).

(ii) Ngày 28 tháng 3 năm 2013, Công ty đã ký hợp đồng tín dụng xuất khẩu với Raiffeisenlandesbank Osterreich Aktiengesellschaft (Công hòa Áo) với giá trị tối đa là 29.106.760,8 USD. Khoản vay này được trả nhiều lần bắt đầu từ ngày 31 tháng 12 năm 2016 đến 31 tháng 12 năm 2025. Khoản vay chịu lãi suất LIBOR 6 tháng cộng 2,97% và được trả 6 tháng/lần. Khoản vay nhằm mục đích thanh toán 80% nghĩa vụ thanh toán của Công ty theo Hợp đồng cung cấp thiết bị cơ điện cho Dự án Thủy điện Thưng Kon Tum kỳ ngày 15 tháng 8 năm 2012 với Andritz Hydro GmbH (Công hòa Áo). Khoản vay được bảo đảm bởi Ngân hàng Thương mại Cổ phần Dầu từ và Phát triển Việt Nam.

16 CÁC KHOẢN VAY (tiếp theo)

(b) Vay dài hạn (tiếp theo)

(iii) Tàì ngày 16 tháng 6 năm 2015, Công ty ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Định với hạn mức tín dụng là 850 tỷ VND trong thời hạn 144 tháng kể từ ngày rút khoản vay này sẽ được trả lần đầu từ ngày 8 tháng 10 năm 2018 đến ngày 8 tháng 12 năm 2027. Khoản vay chịu lãi suất huy động tiết kiệm bằng VND kỳ hạn 12 tháng công 3,5%/năm. Khoản vay chịu lãi suất huy động tiết kiệm bằng VND kỳ hạn 12 tháng công 3,5%/năm. Khoản vay nhằm mục đích thanh toán chi phí đầu tư thực hiện Dự án Thủy điện Tum và nêu được Bên Cho Vay chấp thuận, bao gồm cả thanh toán hoàn lại tới đa 70% phần vốn tự có mà Bên Vay đã giải ngân thực hiện Dự án Thủy điện Tum ngày 16 tháng 6 năm 2015, Công ty ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Gia Lai và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Kon Tum với hạn mức tín dụng lần lượt là 300 tỷ VND và 400 tỷ VND trong thời hạn 144 tháng kể từ ngày rút khoản vay này sẽ được trả lần đầu từ ngày 13 tháng 7 năm 2018 đến ngày 13 tháng 7 năm 2027. Khoản vay chịu lãi suất huy động tiết kiệm bằng VND kỳ hạn 12 tháng công 3,5%/năm. Khoản vay nhằm mục đích thanh toán chi phí đầu tư thực hiện Dự án Thủy điện Tum, thanh toán lại vay trong thời gian xây dựng cơ bản và nêu được Bên Cho Vay chấp thuận, bao gồm cả thanh toán hoàn lại tới đa 70% phần vốn tự có mà Bên Vay đã giải ngân thực hiện Dự án Thủy điện Tum ngày 16 tháng 6 năm 2015, Công ty ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng Thương mại Cổ phần A Châu – Chi nhánh Bình Định và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển thành phố Hồ Chí Minh – Chi nhánh Hiệp Phú với hạn mức tín dụng lần lượt là 850 tỷ VND và 500 tỷ VND trong thời hạn 144 tháng kể từ ngày rút khoản vay này sẽ được trả lần đầu từ ngày 22 tháng 9 năm 2018 đến ngày 22 tháng 9 năm 2027. Khoản vay chịu lãi suất huy động tiết kiệm bằng VND kỳ hạn 12 tháng công 3,5%/năm. Khoản vay nhằm mục đích thanh toán chi phí đầu tư thực hiện Dự án Thủy điện Tum và nêu được Bên Cho Vay chấp thuận, bao gồm cả thanh toán hoàn lại tới đa 70% phần vốn tự có mà Bên Vay đã giải ngân thực hiện Dự án Thủy điện Tum.

Các khoản vay dài hạn này được các ngân hàng cho vay ký kết thỏa thuận chung dưới dạng một hợp đồng vay vốn cho dự án Thủy điện Kon Tum, trong đó Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Định giữ vai trò ngân hàng đầu mối và đại lý nhận tài sản bảo đảm. Công ty thế chấp toàn bộ quyền sử dụng đất, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải và các động sản khác là tài sản hình thành trong tương lai của Dự án Thủy điện Tum để đảm bảo cho khoản tiền vay.

17 TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÀN LẠI

Biên động góp của thuế thu nhập hoàn lại không tính bù trừ các số dư liên quan đến cùng một cơ quan thuế như sau:

Số dư đầu năm	1.991.422.377	1.991.422.377
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	-	-
Số dư cuối năm	1.991.422.377	1.991.422.377

Chi tiết tài sản thuế thu nhập hoàn lại:

31.12.2016	VND	31.12.2015	VND
1.991.422.377		1.991.422.377	

Các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ (*)

(*) Khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh chủ yếu từ khoản dự phòng cho thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn.

18 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

(a) Số lượng cổ phiếu phổ thông

31.12.2016	31.12.2015
206.241.246	206.241.246
Số lượng cổ phiếu đăng ký	Số lượng cổ phiếu đăng ký
206.241.246	206.241.246
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	Số lượng cổ phiếu đã phát hành
206.241.246	206.241.246
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	Số lượng cổ phiếu đang lưu hành

CÔNG TY CỔ PHẦN THUY ĐIỆN VINH SƠN – SÔNG HINH

Mẫu số B 09 – DN

18 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31.12.2016		31.12.2015	
	Cổ phần phổ thông %	VND	Cổ phần phổ thông %	VND
Tổng Công ty Phát điện 3	30,55	630.169.480.000	30,55	630.169.054.175
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	-	-	-	494.978.961.600
Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh	20,71	427.161.600.000	20,71	-
REE	1.005.081.380.000	48,74	937.264.444.225	45,45
Cổ đông khác	2.062.412.460.000	100	2.062.412.460.000	100
Giá trị cổ phiếu đã phát hành				

(c) Tình hình biến động của vốn cổ phần

	Số cổ phần	Cổ phần thưởng (10.000VND)	Tổng cộng (10.000VND)
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	206.241.246	206.241.246	206.241.246
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	206.241.246	206.241.246	206.241.246
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	206.241.246	206.241.246	206.241.246

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 Đồng trên một cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN VĨNH SƠN – SÔNG HINH

Mẫu số B 09 – DN

19 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu như sau:

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu (*) VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	2.062.412.460.000	6.332.468.038	48.380.000.000	-	855.894.734.960	2.973.019.662.998
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	252.670.011.140	252.670.011.140
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	(412.482.492.000)	(412.482.492.000)
Trích lập quỹ đầu tư, phát triển	-	-	246.034.000.000	-	(246.034.000.000)	-
Trích lập quỹ khác (*)	-	-	-	27.661.280.000	(27.661.280.000)	-
Tiền thù lao, tiền thưởng cho Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát	-	-	-	-	(5.532.364.000)	(5.532.364.000)
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(10.471.202.000)	(10.471.202.000)
Khác	-	-	-	-	(2.600.000.000)	(2.600.000.000)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	2.062.412.460.000	6.332.468.038	294.414.000.000	27.661.280.000	403.783.408.100	2.794.603.616.138
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	259.680.957.586	259.680.957.586
Chia cổ tức trong năm (**)	-	-	-	-	(206.241.246.000)	(206.241.246.000)
Tiền thù lao, tiền thưởng cho Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát	-	-	-	-	(1.004.000.000)	(1.004.000.000)
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(6.737.560.000)	(6.737.560.000)
Khác	-	-	-	-	(2.350.000.000)	(2.350.000.000)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	2.062.412.460.000	6.332.468.038	294.414.000.000	27.661.280.000	447.131.559.686	2.837.951.767.724

CÔNG TY CỔ PHẦN THUY ĐIỆN VINH SƠN – SÔNG HINH

Mẫu số B 09 – DN

19 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

(*) Theo Nghị quyết số 467.1/2015/TNQ-VSH-HDQT ngày 11 tháng 5 năm 2015 của Hội đồng Quản trị và Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 467/2015/TNQ-VSH-DHĐCĐ ngày 17 tháng 4 năm 2015 về việc phê duyệt mức trích lập quỹ dự trữ bù sung vốn điều lệ với số tiền là 27.661.280.000 VND.

(**) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 666/2016/NQ-VSH-DHĐCĐ ngày 27 tháng 5 năm 2016 phê duyệt chi trả cổ tức năm 2015 là 10% trên vốn góp của chủ sở hữu.

20	CỔ TỨC	2016	2015
	Số dư đầu năm	-	-
	Cổ tức phải trả trong năm	206.241.246.000	412.482.492.000
	Cổ tức đã chi trả bằng tiền	(206.239.811.500)	(412.482.492.000)
	Số dư cuối năm	1.434.500	-

21 DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2016	2015
Doanh thu bán điện	447.638.315.189	465.759.782.196
Doanh thu dịch vụ khác	-	693.390.454
	447.638.315.189	466.453.172.650

22 GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	2016	2015
Giá vốn sản xuất điện	181.089.331.371	163.557.233.286
Giá vốn hoạt động khác	-	693.012.000
	181.089.331.371	164.250.245.286

	2016	2015
23 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
Lãi tiền gửi ngân hàng	52.940.388.721	29.076.800.253
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.453.860.226	983.046.736
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	5.529.679	-
	<u>54.399.778.626</u>	<u>30.059.846.989</u>
24 CHI PHÍ TÀI CHÍNH		
Lãi tiền vay	5.197.289.216	8.784.863.001
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	12.735.018	12.336.979.776
Lỗ thuần do đánh giá lại các khoản có gốc ngoài tệ cuối năm	14.468.887.036	-
	<u>19.678.911.270</u>	<u>21.121.842.777</u>
25 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP		
Chi phí nhân viên	11.809.201.700	10.906.447.952
Chi phí vật liệu quản lý	698.516.223	593.286.636
Khấu hao tài sản cố định	692.070.828	585.142.778
Thuế, phí và lệ phí	365.221.098	365.485.848
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.338.827.534	2.215.375.378
Chi phí bằng tiền khác	2.225.601.701	2.290.632.189
Khác	1.765.418.334	2.449.279.325
	<u>19.894.857.418</u>	<u>19.405.650.106</u>

26 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

2016	2015
200.984.188.789	183.655.895.392

Chi phí nguyên vật liệu
 Chi phí nhân công
 Chi phí khấu hao tài sản cố định
 Chi phí sửa chữa và phí dịch vụ môi trường
 Chi phí sửa chữa tài sản cố định
 Chi phí sửa chữa thường xuyên tài sản cố định
 Chi phí dịch vụ mua ngoài
 Chi phí khác bằng tiền

27 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (“TNDN”) HIỆN HÀNH

Theo Nghị định số 164/2003/NĐ-CP ngày 22 tháng 12 năm 2003, Công ty có nghĩa vụ thuế TNDN ở mức thuế suất 10% đối với thu nhập chịu thuế từ doanh thu bán điện trong vòng 15 năm và ở mức thuế suất phổ thông đối với các loại thu nhập chịu thuế khác kể từ khi dự án bắt đầu đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh.
 Đối với hoạt động sản xuất điện, Công ty được miễn thuế TNDN trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế và giảm 50% thuế thu nhập cho 8 năm tiếp theo. Năm 2005 là năm đầu Công ty đi vào hoạt động và có thu nhập chịu thuế và được miễn thuế đến năm 2008. Năm 2009 là năm đầu tiên Công ty được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp cho khoản thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh điện.
 Số thuế tính trên lợi nhuận trước thuế của Công ty khác với số thuế khi được tính theo các thuế suất áp dụng như sau:

2016	2015
282.375.030.331	283.987.156.701
(28.237.503.033)	(28.398.715.670)
Lợi nhuận kế toán trước thuế	
Thuế tính ở thuế suất 10%	
Điều chỉnh:	
Thu nhập không chịu thuế	98.304.674
Chi phí không được khấu trừ khi tính thuế	(1.629.843.830)
Ưu đãi thuế của các Nhà máy thủy điện	12.249.949.645
Chênh lệch của thuế suất giữa các hoạt động	(5.222.061.549)
Chính sách và các hoạt động khác của Công ty	(3.317.578.883)
Dự phòng thuế của năm trước	(11.315.389.768)
Thuế TNDN - hiện hành	(31.317.145.561)
Chi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:	
Chi phí thuế TNDN - hiện hành	(22.694.072.745)
Chi phí thuế TNDN - hoãn lại	21.974.843.875
	(31.317.145.561)

27 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (“TNDN”) HIỆN HÀNH (tiếp theo)
 Chi phí thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc tại 31 tháng 12 năm 2016 được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

28	BẢO CẢO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ (“BCLCTT”)		
(a)	Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến BCLCTT		
		VND	VND
		2016	2015
		4.000.000.000	-

(b)	Số tiền đi vay thực thu trong năm		
		VND	VND
		2016	2015
		2.389.304.912.295	1.405.624.166.486
	Vay theo kế hoạch thông thường		

(c)	Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm		
		VND	VND
		2016	2015
		402.300.309.968	774.147.620.247
	Tiền trả nợ gốc vay theo kế hoạch thông thường		

29 THUẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

(a) Giao dịch với các bên liên quan

Trong năm, các nghiệp vụ chủ yếu sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

i) Doanh thu bán hàng và dịch vụ		
	VND	VND
	2016	2015
	447.638.315.189	465.759.782.196
	Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	

CÔNG TY CỔ PHẦN THUYẾT MINH VÀ SÔNG HINH

Mẫu số B 09 – DN

29 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

	2016	2015
	VND	VND
(a) II) Mua dịch vụ		
Công ty TNHH MTV Tư vấn và Dịch vụ Kỹ thuật VSH	5.123.152.591	6.864.501.414
(a) III) Cổ tức		
Cổ tức trả trong năm		
Tổng Công ty Phát điện 3 Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước Cổ tức nhận từ Công ty Cổ phần Du lịch Bình Định	63.016.948.000	94.525.422.000
49.497.930.000	74.246.895.000	
1.453.860.226	969.240.151	
(a) IV) Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt		
Lương và các quyền lợi gộp khác	2.963.129.833	2.706.409.649
(a) V) Hoạt động tài chính		
Giảm khoản vốn đầu tư vào công ty con	4.000.000.000	-
(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan		
Phái thu ngân hàng của khách hàng (Thuyết minh 5) Công ty Mua bán điện-Tập đoàn Điện lực Việt Nam	130.728.146.998	113.154.195.908
Phái trả người bán ngân hàng (Thuyết minh 14) Công ty TNHH MTV Tư vấn và Dịch vụ Kỹ thuật VSH	467.692.861	2.726.560.443

30 CAM KẾT VỐN

Các cam kết về chi tiêu tạo lập tài sản cố định đã ký hợp đồng tại ngày lập bảng cân đối kế toán nhưng chưa được hạch toán vào báo cáo tài chính riêng như sau:

31.12.2016 VND
31.12.2015 VND

Xây dựng cơ bản của dự án Thưng
 Kon Tum 3.637.571.236.310 1.558.274.106.616

31 NỢ TIẾM TẶNG

Ngày 4 tháng 9 năm 2014, Công ty đã nhận được Thông báo số 526/VIA/C của Trung tâm thông tin quốc tế Việt Nam ("VIA") về vụ kiện số 24/14 liên quan tới Hợp đồng số 885/2010/HD-VSH-TH Thiết kế và Thi công tuyến năng lượng giai đoạn 2 dự án Thưng Kon Tum ("Hợp đồng"). Trong thông báo này, Tổ hợp nhà thầu Trung Quốc gồm (i) Tổng Công ty Công trình Hydrochina Huadong và (ii) Công ty TNHH Cục Đường sắt số 18 Trung Quốc là nguyên đơn yêu cầu Công ty bồi thường về việc vi phạm Hợp đồng. Đồng thời, Công ty cũng đã đưa ra phân tố và yêu cầu bồi thường người lại. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Công ty chưa tích lập dự phòng cho khoản nợ liên quan đến vụ kiện này trên báo cáo tài chính riêng do kết quả sau cùng của vụ kiện chưa được xác định.

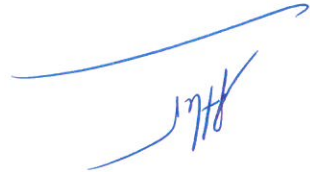
32 SỞ LIỆU TƯƠNG ƯNG

Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, Ban Giám đốc Công ty đã phát hiện khối lượng phát sinh của chi phí xây dựng cơ bản dở dang thuộc dự án Thưng Kon Tum của nhà thầu Andritz chưa được ghi nhận đầy đủ trong các năm trước với giá trị là 23.624.157.572 đồng. Theo đó, Ban Giám đốc Công ty đã quyết định điều chỉnh hồi tố khối lượng phát sinh của chi phí xây dựng cơ bản vào báo cáo tài chính riêng của các năm tài chính trước. Chi tiết các ảnh hưởng đến dữ liệu tương ứng của Bảng Cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

Ma	Số	Khoản mục	Theo báo cáo	Điều chỉnh lại	Số hiệu
			trước đây		trình bày lại
			VND	VND	VND
130	132	Các khoản phải thu ngắn hạn	440.403.179.322	(23.624.157.572)	416.779.021.750
		Trả trước cho người bán ngắn hạn	313.111.745.835	(23.624.157.572)	289.487.588.263
240	242	Tài sản dở dang dài hạn	2.189.617.954.481	23.624.157.572	2.213.242.112.053
		Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	2.189.617.954.481	23.624.157.572	2.213.242.112.053

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Phan Thị Thanh Thủy
Người lập



Huỳnh Công Hà
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Thành
Tổng Giám đốc



Báo cáo tài chính riêng đã được Ban Giám đốc duyệt ngày 24 tháng 3 năm 2017.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN VĨNH SƠN - SÔNG HINH

Mẫu số B 09 - DN